

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS -ST  
Ngày: 22 - 02 - 2022  
V/v “Tranh chấp kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Cẩm Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.
2. Bà Đinh Thị Phương Lan.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Minh Hậu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2020/TLST - DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị D, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp PT, xã MP, huyện HD, KG; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà D: Anh Lê Bằng Q, sinh năm 1996; địa chỉ Ấp PT, xã MP, huyện HD, KG; là người đại diện theo ủy quyền của bà D, theo văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 12 năm 2021; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lâm Thị L (tên gọi khác UC), sinh năm 1947; địa chỉ: Ấp PT, xã MP, huyện HD, KG; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Văn Th sinh năm: 1950, bà Nguyễn Thị Cà N sinh năm 1971; cùng địa chỉ: Số 33A ấp TKN, xã PT, thành phố RG, tỉnh KG; vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Minh T1 sinh năm 1970, ông Nguyễn Minh S sinh năm 1981 và ông Nguyễn Minh H1 sinh năm 1984; cùng địa chỉ: ấp PT, xã MP, huyện HD, tỉnh KG; vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị H2 - Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vật tư nông nghiệp KH; địa chỉ: ấp DT, xã TĐA, huyện TH, tỉnh KG; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2020, đơn đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 13/12/2021, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Đặng Thị D trình bày:*

Cha bà là ông Đặng Văn Ch là liệt sĩ nên từ nhỏ bà sống chung với mẹ là bà Lâm Thị L, ở ấp PT, xã MP, huyện HD, tỉnh KG. Đến năm 1989 - 1990 Nhà nước có chính sách cấp phát đất cho hộ gia đình chính sách theo nhân khẩu, mỗi nhân khẩu được cấp 5.000m<sup>2</sup>, gia đình bà có 5 nhân khẩu gồm: Đặng Thị D, Lâm Thị L, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Minh S, Nguyễn Minh H1 nên tổng cộng được cấp là 25.000m<sup>2</sup> đất tọa lạc ấp TD, xã MP, huyện HD, KG. Lúc được cấp đất, bà để phần đất này cho mẹ bà là bà L canh tác cho đến năm 1991 thì mẹ bà cùng các con thống nhất bán phần đất 25.000m<sup>2</sup> cho ông Nguyễn Văn Th để mua lại 22.252m<sup>2</sup> đất nông nghiệp tọa lạc ấp PT, xã MP, huyện HD, tỉnh KG.

Kể từ thời điểm đó phần đất trong 5.000m<sup>2</sup> trong 22.252m<sup>2</sup> bà vẫn để cho bà L mượn để canh tác sinh sống. Đến năm 2017 mẹ bà phân chia tài sản cho các em bà nhưng không chia đất cho bà. Vì vậy, nay bà làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước giải quyết buộc bà Lâm Thị L phải trả cho bà diện tích 5.000 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp TD, xã MP, huyện HD, KG. Diện tích đất này hiện nay ông Th đã cho con ông Th là bà Nguyễn Thị Cà N đứng tên. Bà N là người đang trực tiếp canh tác phần đất này.

Tại đơn khởi kiện ngày 29/5/2020, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lâm Thị L phải giao trả cho bà diện tích đất 5.000m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 156, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp TD, xã MP, huyện HD, tỉnh KG tính bằng giá trị (theo giá thị trường). Giá trị tạm tính tại thời điểm khởi kiện là 223.765.000 đồng (58.000.000 đồng/ 01 công tằm lớn).

Căn cứ theo Chứng thư thẩm định giá số 636/2021/CT-BĐS/MIVC ngày 30/8/2021 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Đầu tư Miền Tây thì giá đất theo thị trường là 66.000 đồng/ 1m<sup>2</sup>.

Do đó, ngày 13/12/2021 bà đã nộp đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải giao trả cho bà diện tích đất 5.000m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 156, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp TD, xã MP, huyện HD, tỉnh KG tính bằng giá trị là 5.000m<sup>2</sup> x 66.000 đồng/m<sup>2</sup> = 330.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 13/12/2021, yêu cầu bà L trả lại diện tích 5.000m<sup>2</sup> đất bằng giá trị là 330.000.000 đồng.

*Tại đơn Biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2021 bị đơn là bà Lâm Thị L trình bày:*

Trước đây, sau khi đi bộ đội về bà được Nhà nước cấp diện tích đất 20 công tầm nhỏ (20.000m<sup>2</sup>). Thời điểm đó, gia đình bà có 04 nhân khẩu bao gồm bà và 03 người con trai là Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Sang, Nguyễn Minh H1. Do gia đình bà là gia đình chính sách nên được Nhà nước cấp định suất là 5.000m<sup>2</sup>/ 01 nhân khẩu. Khi được xem xét cấp đất thì bà D đã có gia đình ở riêng, bà có xin cấp thêm cho bà D 01 suất nhưng không được xét. Do đó, bà không đồng ý trả cho bà D 5.000m<sup>2</sup> đất tính theo giá trị bởi lẽ bà D không được cấp đất.

Diện tích bà được cấp tọa lạc tại ấp TD, xã MP, huyện HD, tỉnh KG. Sau khi được cấp đất bà canh tác được 1-2 năm thì bán lại cho ông Nguyễn Văn Th, giá 01 công tầm 3m bằng 01 chỉ vàng 24k. Bà không nhớ rõ bán năm nào nhưng xác định cách nay trên 25 năm, thời điểm bán đất cho ông Thăng bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà D đã được bà chia phần đất 12,5 công tầm 3m có nguồn gốc do mẹ chồng bà (bà nội của bà D) là bà Nguyễn Thị M1 cho. Sau khi được chia bà D đã bán hết đất, nay quay lại đòi chia tiếp nên bà không đồng ý.

Bà là người cao tuổi theo quy định của pháp luật nên yêu cầu Tòa án cho bà được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Th trình bày:* Khoảng năm 1993 – 1995 ông có mua của bà Lâm Thị L (tên thường gọi UC) diện tích đất khoảng 17 công tầm 3m với giá 0,5 – 0,6 chỉ vàng 24k/1 công. Sau khi mua ông canh tác được 1-2 năm thì cho con gái ông là bà Nguyễn Thị Cà N canh tác cho đến nay. Bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang thế chấp cho kho phân KH.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Cà N trình bày:*

Khoảng năm 1993 – 1995 cha bà ông Nguyễn Văn Th có mua của bà Lâm Thị L diện tích đất khoảng 15 - 16 công tầm 3m. Thời điểm mua giữa ông Th và bà L chỉ làm giấy tay, không đo đạc, bà chỉ biết diện tích đất thực tế và trong giấy không giống nhau nhưng nhiều, ít thế nào bà không biết. Thời điểm bà L bán đất cho gia đình bà không biết bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa nhưng hiện nay này đã được cấp giấy. Bà là người trực tiếp canh tác diện tích đất này từ trước cho đến nay. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay bà đã thế chấp để vay vốn của bà KH (kho phân) tại Kinh 8 Tân Hiệp.

Bà N có đơn yêu cầu xin giải quyết vắng mặt.

*Tại bản tự khai ngày 21/4/2021 bà Nguyễn Thị H2 là Chủ Hộ kinh doanh Cửa hàng Vật tư nông nghiệp KH trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Cà N có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại Cửa hàng Vật tư nông nghiệp KH do bà làm chủ. Bà N có thể chấp mấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cửa hàng của bà, trong đó cso giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất đang có tranh chấp giữa bà D và bà L. Giữa bà D và bà N không tranh chấp gì liên quan đến tài sản đã thế chấp cho bà và cũng không có yêu cầu độc lập gì liên quan đến bà nên bà không có ý kiến. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà H2 có đơn yêu cầu xin giải quyết vắng mặt.

Bà Lâm Thị L, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Minh T1, ông Nguyễn Minh S, ông Nguyễn Minh H1 đã được Tòa án triệu tập đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng các ông, bà vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng, về nội dung của Tòa án như sau:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện thời điểm Nhà nước cấp đất cho hộ gia đình bà Lâm Thị L thì bà Đặng Thị D là thành viên của hộ bà L. Diện tích đất được cấp theo đo đạc thực tế có tổng diện tích là 27.115m<sup>2</sup>. Do đó, bà D yêu cầu bà L phải trả lại cho bà diện tích đất được cấp theo định suất 5.000m<sup>2</sup> bằng giá trị là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Bà Đặng Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lâm Thị L trả lại cho bà giá trị quyền sử dụng đất nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp

“Kiện đòi tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bị đơn là bà L có địa chỉ nơi cư trú tại xã MP, huyện HĐ, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bà L, ông Th, ông T1, ông S, ông H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa những vắng mặt, không rõ lý do; bà N, bà H2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của các ông, bà không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các ông, bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các ông, bà là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự cùng xác định diện tích đất do bà Lâm Thị L chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Th tọa lạc tại ấp TD, xã MP, huyện HĐ, tỉnh KG có nguồn gốc do Nhà nước cấp cho hộ gia đình bà L theo định suất 5.000m<sup>2</sup>/ 01 nhân khẩu.

Bà L trình bày theo chủ trương của Nhà nước cấp đất theo nhân khẩu đối với dân bình thường cấp 4.000m<sup>2</sup>/ 01 nhân khẩu, đối với gia đình bà là gia đình tham gia cách mạng nên được cấp 5.000m<sup>2</sup>/nhân khẩu. Lúc đó bà là người nhận đất, khi nhận Nhà nước chỉ cấp đất cho 04 nhân khẩu là Lâm Thị L, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Minh S, Nguyễn Minh H1. Do bà D đã được nhiều đất nên Nhà nước không chịu cấp đất cho Dung. Thời điểm đó bà chỉ nhận 20.000m<sup>2</sup> đất tọa lạc ấp TD, xã MP.

Bà D cũng xác định do gia đình bà có công với cách mạng nên được cấp 5.000m<sup>2</sup>/ nhân khẩu, tuy nhiên thời điểm được cấp đất là cấp cho 05 nhân khẩu, tổng diện tích là 25.000m<sup>2</sup> bao gồm cả phần của bà.

Căn cứ theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất và Tờ trích đo địa chính số TĐ 15 – 2021 ngày 06/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất thì phần diện tích có nguồn gốc cấp cho hộ bà L đã chuyển nhượng cho ông Th có diện tích 27.115m<sup>2</sup>.

Tại Công văn số 87/CAH-QLHC ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Công an huyện Hòn Đất xác định hộ khẩu bà Lâm Thị L sinh năm 1947 đăng ký thường trú ấp PT, xã MP, huyện HĐ, tỉnh KG tại thời điểm năm 1990 có 05 nhân khẩu bao gồm: Lâm Thị L – 1947, Đặng Thị D – 1970, Nguyễn Minh T1 – 1979, Nguyễn Minh S – 1981, Nguyễn Minh H1 – 1984.

Tại đơn xác nhận ngày 09/02/2017, ông Nguyễn Văn Thọ nguyên là Phó Ban lãnh đạo ấp TD và ông Trần Bạch N2 là thành viên đoàn đo đạc giao đất cũng xác định hộ gia đình bà L được cấp cho 05 nhân khẩu, diện tích 2,5ha.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định diện tích đất hộ gia đình bà L được cấp vào thời điểm năm 1990 – 1991, sau đó đã chuyển nhượng cho ông Th là cấp cho 05 nhân khẩu và bà D được cấp diện tích là 5.000m<sup>2</sup>. Bà L đã chuyển nhượng lại diện tích đất này cho ông Th và đã nhận chuyển nhượng lại diện tích đất khác tọa lạc tại ấp PT, xã MP, huyện HD, tỉnh KG nhưng đến nay chưa thanh toán giá trị quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của bà D cho bà D là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D.

Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu bà L phải trả cho bà giá trị quyền sử dụng diện tích đất được cấp 5.000m<sup>2</sup> theo giá thị trường căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 636/2021/CT-BDS/MIVC ngày 30/8/2021 của Công ty cổ phần Đầu tư Thẩm định giá và Tư vấn đầu tư Miền Tây mà không yêu cầu đòi quyền sử dụng đất là phù hợp với quy định tại Điều 3, khoản 6 Điều 9 Luật Đất đai năm 1987, điểm c khoản 2 Điều 131 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 102, Điều 166, Điều 212, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Buộc bà L phải trả cho bà D diện tích đất 5.000m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 156, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp TD, xã MP, huyện HD, tỉnh KG tính bằng giá trị là 5.000m<sup>2</sup> x 66.000 đồng/m<sup>2</sup> = 330.000.000 đồng (Ba trăm ba chục triệu đồng).

Xét thấy cần thiết phải tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo việc thi hành án nên HĐXX quyết định tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2020/QĐ-BPKCTT ngày 01/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Văn Th, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị H2 và bà Nguyễn Thị Cà N các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết. Trường hợp các đương sự có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 3, khoản 6 Điều 9 Luật Đất đai năm 1987;

Điểm c khoản 2 Điều 131 Luật Đất đai năm 2013;

Khoản 1 Điều 102, Điều 166, Điều 212, khoản 2 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị D đối với bà Lâm Thị L. Buộc bà L phải trả cho bà D diện tích đất 5.000m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 156, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp TD, xã MP, huyện HD, tỉnh KG tính bằng giá trị là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba chục triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2020/QĐ-BPKCTT ngày 01/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

**2. Về chi phí tố tụng, án phí:**

**2.1. Về chi phí tố tụng:** Tổng chi phí tố tụng là 13.774.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng), bao gồm: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.449.000 đồng (Hai triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng), chi phí thu thập tài liệu chứng cứ là 250.000 đồng (Hai trăm năm chục nghìn đồng) và chi phí thẩm định giá là 11.075.000 đồng (Mười một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Bà L phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng nhưng do bà D đã nộp tạm ứng chi phí nên bà L có nghĩa trả lại cho bà D số tiền là 13.774.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

**2.1. Về án phí:**

Bà D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000889 ngày 01 tháng 6 năm 2020 và 2.655.000 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001499 ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bà L là người cao tuổi theo quy định của pháp luật và có yêu cầu được miễn nộp án phí nên bà được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**Lê Cẩm Tú**